QUỸ ETF SSIAM VNX50

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 148/2022/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2022
Ha Noi, 12 August 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/ To: **- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/*The State Securities Commission***

- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh City Stock Exchange*

- Tên CTQLQ/ *Name of Fund Management Company*: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Tên tổ chức / *Organization name*: Quỹ ETF SSIAM VNX50
- Mã chứng khoán/ *Security Symbol*: FUESSV50
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Tầng 5, 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại/ *Telephone*: 0243.9366321
- Fax: 0243.9366337
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Published by: Bà Tô Thùy Linh*
- Chức vụ/ *Position*: Phó Tổng Giám Đốc/ *COO*

Nội dung thông tin công bố (*)/ Content of Information disclosure (*):

Báo cáo tổng kết hoạt động của Công ty quản lý quỹ bán niên 2022.

Operational report semi-annual 2022.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ vào ngày 12/08/2022 tại đường dẫn: https://www.ssi.com.vn/ssiam/san-pham-va-dich-vu-ssiam.

This information was disclosed on Company/Fund's Portal on 12 August 2022 at: https://www.ssi.com.vn/ssiam/san-pham-va-dich-vu-ssiam.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any mispresentation.

Tài liệu đính kèm/
Attachment:
Báo cáo tổng kết hoạt động của Công ty quản lý quỹ bán niên 2022
Operational report semi-annual 2022

Người công bố thông tin
Publisher

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUẢN LÝ QUỸ SSI
Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

Tô Thùy Linh
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ SSI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2022

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ

Bán niên 2022

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Thông tin về quỹ

a) Tên của Quỹ: QUỸ ETF SSIAM VNX50 ("Quỹ")

Loại hình quỹ: Quỹ hoán đổi danh mục;

b) Mục tiêu đầu tư của Quỹ:

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là hướng tới đạt hiệu quả đầu tư bám sát mức sinh lời thực tế của Chỉ số VNX50 trong tất cả các giai đoạn.

c) Thời hạn hoạt động của Quỹ: không giới hạn

d) Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio): Danh mục chỉ số VNX50

Mã cổ phiếu và tỷ trọng của FUESSV50 tại ngày 30/06/2022 như sau:

Số thứ tự	Mã cổ phiếu	Tỷ trọng (%)
1	ACB	4,59%
2	APH	0,00%(*)
3	BVH	0,30%
4	CTG	1,26%
5	DGC	1,72%
6	DIG	0,51%
7	FPT	5,30%
8	GEX	0,67%
9	GMD	0,89%
10	HCM	0,31%
11	HDB	2,23%
12	HPG	4,73%
13	HSG	0,43%
14	IDC	0,66%
15	KBC	1,02%
16	KDC	0,60%
17	KDH	1,08%
18	LPB	1,11%
19	MBB	3,34%
20	MSB	1,47%
21	MSN	4,23%
22	MWG	4,87%
23	NLG	0,50%
24	NVL	3,34%
25	OCB	0,84%

Số thứ tự	Mã cổ phiếu	Tỷ trọng (%)
26	PDR	0,92%
27	PLX	0,34%
28	PNJ	1,76%
29	POW	0,52%
30	PVD	0,28%
31	PVS	0,38%
32	SBT	0,32%
33	SHB	1,92%
34	SSB	3,12%
35	SSI	0,86%
36	STB	2,57%
37	TCB	5,41%
38	TCH	0,29%
39	THD	0,99%
40	TPB	1,57%
41	VCB	2,60%
42	VCI	0,51%
43	VHC	0,53%
44	VHM	5,38%
45	VIB	1,63%
46	VIC	6,51%
47	VJC	2,35%
48	VND	1,03%
49	VNM	4,02%
50	VPB	5,99%
51	VRE	1,73%

(*) Tỷ lệ này 0,0022%

e) Chính sách phân chia lợi nhuận:

- Quỹ chi trả lợi tức quỹ bảo đảm nguyên tắc:
  - Phù hợp với chính sách phân chia lợi nhuận quy định tại Điều Lệ Quỹ;
  - Thực hiện sau khi Quỹ đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều Lệ Quỹ (nếu có);
  - Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và bảo đảm giá trị tài sản ròng không thấp hơn năm mươi (50) tỷ VND;
- Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Hình thức phân chia lợi nhuận có thể bằng tiền hoặc bằng chứng chỉ quỹ.
- Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ được thực hiện trên cơ sở đề xuất của Công Ty Quản Lý Quỹ và phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ (nếu được ủy quyền) chấp thuận.
- Nhà Đầu Tư có tên trong Danh sách Nhà Đầu Tư tại Ngày Giao dịch được công bố bởi Công Ty Quản Lý Quỹ cho việc phân chia lợi nhuận ("Ngày Chốt Danh Sách") được coi là đủ điều kiện để nhận lợi nhuận được phân chia. Trường hợp Nhà Đầu Tư đã chuyển nhượng số đơn vị quỹ của mình giữa thời điểm Ngày Chốt Danh Sách và ngày chi trả thì người chuyển nhượng là người được nhận lợi nhuận.

f) Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành:

Tổng số chứng chỉ quỹ tại ngày 01/01/2022	13.500.000	ccq
Tổng số lượng chứng quỹ phát hành thêm trong kỳ	2.200.000	ccq
Tổng số lượng chứng quỹ mua lại trong kỳ	-	ccq
Tổng số lượng chứng chỉ quỹ tại ngày 30/06/2022	15.700.000	ccq

g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo (nếu có):

https://www.ssi.com.vn/ssiam/cong-bo-thong-tin-vnx50-cbtt-chi-tiet/etf-ssiam-vnx50-cong-bo-thong-tin-dieu-le-quy-da-duoc-sua-doi-bo-sung

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo (nếu có): Vui lòng xem Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2022 theo đường link sau:

https://www.ssi.com.vn/ssiam/cong-bo-thong-tin-vnx50-cbtt-chi-tiet/etf-ssiam-vnx50-cong-bo-thong-tin-nghi-quyet-va-bien-ban-kiem-phieu-dai-hoi-nha-dau-tu-thuong-nien-nam-2022-cua-quy-etf-ssiam-vnx50

i) Ý kiến nhận xét của ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Thông tư hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán:

Trong kỳ báo cáo, Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI đã tuân thủ theo các nội dung quy định tại điều 79, Thông tư Số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán về Chế độ báo cáo, lưu trữ hồ sơ, quản lý thông tin.

2. Báo cáo về kết quả hoạt động của Quỹ

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của Quỹ tại thời điểm 30/06 của 3 năm gần nhất:

- Danh mục đầu tư của Quỹ phân bố theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (cổ phiếu, trái phiếu...) (%NAV)

Phân bổ theo loại sản phẩm:

Loại tài sản (% Tổng tài sản)	30/06/2022	30/06/2021	30/06/2020
Cổ phiếu	99,6%	99,8%	99,8%
Tiền và tương đương tiền	0,3%	0,1%	0,1%
Tài sản khác	0,1%	0,1%	0,1%
Tổng	100%	100%	100%

Phân bổ theo ngành:

STT	Ngành (%NAV)	30/06/2022	30/06/2021	30/06/2020
1	Bất động sản	21,1%	21,9%	24,5%
2	Công nghệ thông tin	5,3%	3,9%	3,6%
3	Công nghiệp	5,9%	8,0%	7,7%
4	Dịch vụ tiện ích	0,5%	0,9%	1,6%
5	Năng lượng	1,0%	1,2%	1,2%

6	Tài chính	42,9%	40,8%	34,8%
7	Tiêu dùng không thiết yếu	6,7%	3,9%	4,3%
8	Tiêu dùng thiết yếu	11,5%	10,2%	15,8%
9	Vật liệu	5,2%	9,3%	6,5%
	Tổng cộng	**100,0%**	**100,0%**	**100,0%**

Chỉ tiêu	30/06/2022	30/06/2021	30/06/2020
2.1.Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	275.746.452.655	298.229.408.654	151.915.088.066
2.2.Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ)	15.700.000	13.500.000	13.500.000
2.3.Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (VND/CCQ)	17.563,46	22.091,06	11.252,96
2.4.Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	23.416,32	22.121,95	13.070,70
2.5.Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	17.017,70	14.736,04	8.981,60
2.6.Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND)	17.500	22.100	11.500
2.7.Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	23.690	22.100	13.650
2.8.Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	16.470	15.250	8.800
2.9.Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	-20.50%	96,3%	-9,8%
2.10.Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ (%)	1,07%	1,10%	1,28%
2.11.Tốc độ vòng quay danh mục (%)	13,76%	19,16%	7,50%

- Tỷ lệ chi phí hoạt động bán niên 2022 giảm so với bán niên 2021 do giá trị tài sản ròng trung bình kỳ này tăng so với kỳ trước, cao hơn mức tăng của chi phí hoạt động của Quỹ.

- Tốc độ vòng quay danh mục trong bán niên 2022 giảm so với bán niên 2021, nguyên nhân do tổng giá trị danh mục mua vào bán ra trong kỳ này giảm so với kỳ trước.

- Tổng lợi nhuận của Quỹ, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cả tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...) (giá trị thu nhập):

Chỉ tiêu	Số tiền (VND)
2.12. Lãi/(lỗ) do đánh giá các khoản đầu tư chưa thực hiện	(88.351.342.778)
2.13. Lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...)	1.438.811.551
2.14. Lợi nhuận thu được từ bán cổ phiếu	3.134.348.478

2.15. Tổng chi phí	(1.560.333.470)
Tổng cộng	**(85.338.516.219)**

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ; Thời điểm phân chia lợi nhuận; Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: Quỹ không thực hiện phân chia lợi nhuận trong kỳ.

- Thông tin về các khoản vay nợ, các hạng mục thanh toán trả sau của Quỹ (nếu có), các giao dịch repo/reverse repo: Không có

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của Quỹ:

Tổng lợi nhuận bình quân của Quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:

Tính tới ngày lập báo cáo	Tổng lợi nhuận bình quân (VND)
i) 1 năm	(71.186.246.129)
ii) 3 năm	19.346.419.794
iii) 5 năm	20.172.844.705

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: nguyên tắc xác định giá trị tài sản của Quỹ được quy định chi tiết trong Điều lệ Quỹ và sổ tay định giá của Quỹ.

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: Bảng báo giá chứng khoán được cung cấp bởi 2 công ty chứng khoán độc lập được Ban Đại diện phê duyệt hàng năm (nếu có).

d) Báo cáo phải nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

3. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ phải bao gồm các nội dung sau:

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ (nếu có): Không có

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của Quỹ):

Chênh lệch so với chỉ số tham chiếu (Tracking error/TE) trong kỳ báo cáo không vượt mức **0,4%,** đạt tiêu chí đầu tư của Quỹ.

c) So sánh kết quả lợi nhuận của Quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị);

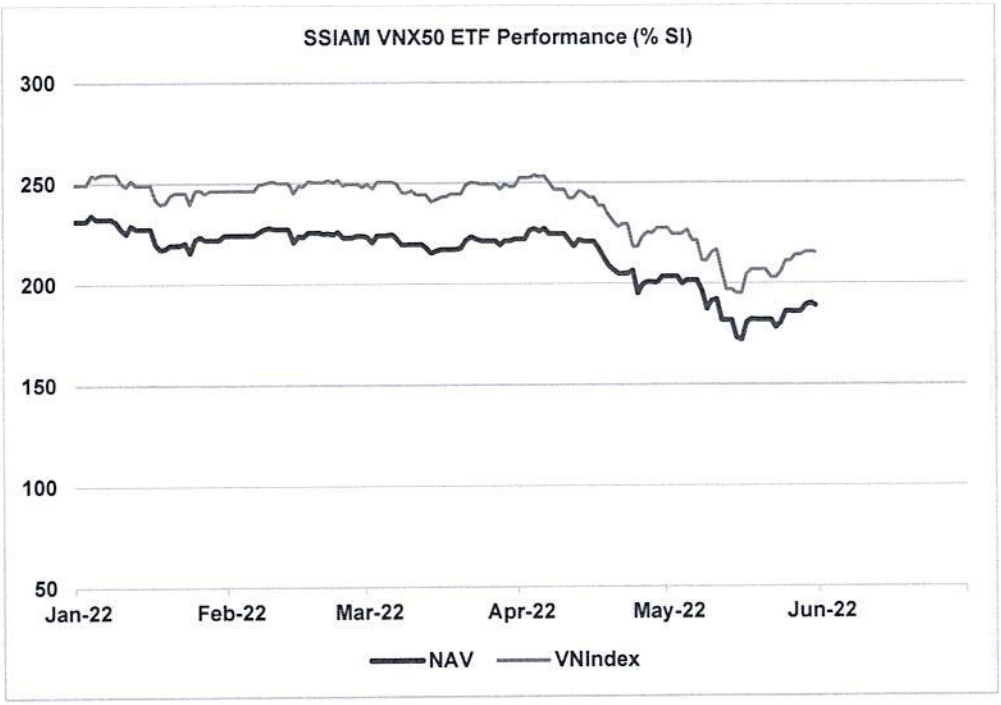

d) So sánh kết quả lợi nhuận của Quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian 05 năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị):

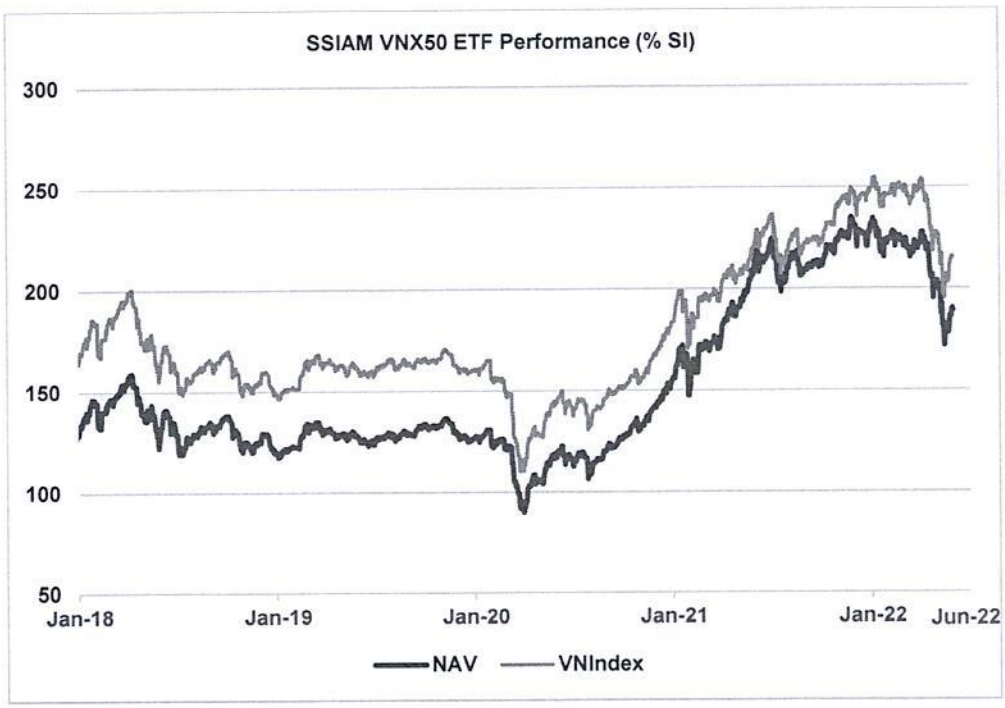

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo

bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ:

Trong kỳ báo cáo, Quỹ theo đuổi chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu bám sát tỷ lệ lợi nhuận của Chỉ số VNX50 và không chủ động lựa chọn cổ phiếu dựa trên các nhận định về tình hình kinh tế vĩ mô, phân tích ngành và phân tích công ty. Quỹ đầu tư 50/50 cổ phiếu trong danh mục rổ VNX50 với tỷ trọng tương ứng nhằm bám sát tỷ lệ sinh lời của chỉ số VNX50.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của Quỹ năm liền kề năm báo cáo:

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 30/06/2022 không thay đổi nhiều so với cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ năm liền kề khi tỷ trọng đầu tư cổ phiếu chiếm trên 95%, do Quỹ là loại hình quỹ hoán đổi danh mục mô phỏng theo chỉ số. Sự khác biệt chủ yếu giữa hai kỳ do sự thay đổi cơ cấu tỷ trọng một số ngành trong danh mục đầu tư.

g) Phân tích kết quả hoạt động của Quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất:

Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ tại ngày 30/06/2022 của Quỹ ETF SSIAM VNX50 là 17.563,46 đồng giảm khoảng 24,10% so với giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ tại ngày 31/12/2021 của Quỹ ETF SSIAM VNX50 là 23.139,38 đồng, cùng thời gian đó chỉ số tham chiếu tăng tương ứng giảm 24,41%.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chips, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small- cap):

Nguyên nhân ban đầu của sự điều chỉnh thị trường ở Việt Nam trong Q2 phần nào là một phản ứng thái quá do tâm lý của các nhà đầu tư cá nhân và những biện pháp hành động mạnh tay của chính phủ đối với (1) việc thắt chặt hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp và (2) điều tra sự thao túng thị trường chứng khoán của một số tác nhân xấu, điều này đã tạo nên một bầu không khí ảm đạm ở thị trường và nhanh chóng trở nên trầm trọng hơn bởi do giải chấp margins khi thị trường diễn biến xấu.

Tuy nhiên, không khí ảm đạm ban đầu này - vốn chỉ giới hạn ở thị trường nội địa - nhanh chóng bị tiếp nối bởi cơn bão trên thị trường tài chính toàn cầu. Đầu tiên là chiến tranh Nga – Ukraine khiến giá dầu, khí đốt, lúa mì và các hàng hóa khác tăng cao. Chiến tranh và bất bình ổn gây ra hoảng loạn trên thị trường toàn cầu theo đó sụt giảm định giá chứng khoán. Sau đó, dịch Covid bùng phát ở Trung Quốc và các biện pháp cách ly xã hội một cách chặt chẽ theo chính sách "zero covid" khiến gián đoạn chuỗi cung ứng ngày càng tệ thêm, đồng thời gia tăng áp lực về lạm phát khi giá nguyên liệu, hàng hóa trung gian sản xuất, và thành phẩm tăng cao, làm tăng chiết khấu rủi ro của các tài sản tài chứng khoán. Dù Trung Quốc đã gặp phải khá nhiều vấn đề trong năm vừa qua, từ các hành động mạnh tay của chính phủ đối với các đợt IPO trong lĩnh vực công nghệ, các vụ vỡ nợ bất động sản, đến vắc-xin Covid sản xuất nội với hiệu quả thấp cho hơn 1 tỷ dân số, thì hiệu ứng lan tỏa đến nền kinh tế toàn cầu mà có lẽ được nhìn thấy rõ ràng nhất là từ các chính sách cách ly xã hội nghiêm ngặt làm gián đoạn chuỗi cung ứng và tăng giá cả trên toàn thế giới, thể hiện ở số liệu lạm phát của Mỹ. Lạm phát cao ở Mỹ là kết quả trực tiếp của việc nền kinh tế toàn cầu mở cửa trở lại, người tiêu dùng với nhu cầu tiêu thụ mạnh mẽ bị tích tụ, nhưng phải đối mặt với cú sốc nguồn cung từ Trung Quốc, kèm theo đó là sự tăng cao của giá hàng hóa, nguyên liệu thô và hàng hóa trung gian cho sản xuất trên toàn cầu. Điều này đặt dấu chấm hết cho "thời kỳ tiền rẻ" và các chính sách tiền tệ mở rộng đã diễn ra trong hơn một thập kỷ của FED. Ngân Hàng Trung Ương Mỹ với động thái tăng lãi suất dữ dội đẩy nền kinh tế thế giới đến khả năng suy thoái, dẫn đến sụt giảm định giá của các tài sản chứng khoán, đặc biệt là các phân khúc tăng trưởng cao, và đồng thời buộc các ngân hàng trung ương trên toàn cầu trở phải thực hiện các chính sách "diều hâu" tăng lãi suất.

Dù rủi ro biến động vẫn còn, thị trường chứng khoán thế giới đã cho thấy dấu hiệu phục hồi khi cả chỉ số SPX phục hồi +9,1% từ đáy. Sự phục hồi này đến từ việc giá dầu Brent giảm ổn định 1,8 %, đồng thời kinh tế Mỹ và thế giới giảm tốc khiến các nhà đầu tư tin tưởng vào xu hướng đảo ngược tiến trình thắt chặt tiền tệ của Fed

cùng các NHTW khác trong tương lai gần.

Tại thị trường trong nước, các số liệu vĩ mô gần đây cũng cho thấy sự khả quan với phục hồi được tăng tốc trong quý 2, được thúc đẩy bởi đà xuất khẩu và sự mở cửa trở lại của nền kinh tế trong nước. Tăng trưởng GDP quý 2 ở mức 7,7% yoy (so với 5,0% trong quý 1, vượt qua một cách đáng kể mức dự báo trung bình 5,9%) – tuần tự, đây là mức tăng trưởng 3,8% qoq so với 0,6% của Q1'22. Các số liệu cập nhật trong tháng 6-7 cũng cho thấy bức tranh tích cực:

IIP công nghiệp: tăng trưởng +11.2% trong tháng 7, tương đương tốc độ tăng +11,5% yoy trong quý 2, đây là một con số vượt trội chứng tỏ sức mạnh nền tảng của Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp và sự phục hồi về nguồn cung lao động và gia tăng công suất. Cụ thể, sản xuất điện tử và điện thoại thông minh tăng tốc lên +14,6% yoy trong tháng 7 (so với +14,7% % trong Q2) và sản xuất hàng may mặc cũng tăng + 28,9% yoy (so với 26,3% trong Q2). Đây là một bằng chứng mạnh mẽ để chứng tỏ rằng các lĩnh vực sản xuất là nền tảng thúc đẩy nền kinh tế vẫn đang tăng trưởng tốt.

So với tháng trước đó, IIP đã duy trì được đà tăng +11,2% yoy trong tháng 7 (so với 11,6% trong tháng 6), chủ yếu được thúc đẩy bởi sản xuất điện tử, máy móc và sản xuất kim loại.

Lạm phát CPI: đã giảm nhẹ xuống 3,1% yoy trong tháng 7 (so với 3,4% trong tháng 6) do hỗ trợ từ giá dầu giảm cũng như hiệu quả từ các chính sách ổn định giá trong nước của Chính phủ. Mặc dù vẫn còn những áp lực nhất định, nhưng chúng tôi kỳ vọng lạm phát sẽ không bật tăng mạnh mẽ và nhiều khả năng sẽ nằm quanh vùng kỳ vọng của chính sách là 4,0%.

Lãi suất tiêu chuẩn: NHNN đã khéo léo đưa ra tín hiệu về việc điều chỉnh lãi suất tăng trong thời gian tới để phù hợp với xu hướng tăng lãi suất trên toàn thế giới, nhằm làm giảm bớt áp lực lên đồng VND khi lãi suất thấp dẫn tới outflow ngoại tệ. Qua đó NHNN đã tiến hành 04 phiên đấu thầu cạnh tranh lãi suất OMO vào cuối tháng 7, nhằm giúp thị trường chuẩn bị về mặt tâm lý cho những điều chỉnh sau này. Do đó, chúng tôi nhận định nhiều khả năng là NHNN sẽ tăng 50 -100 điểm cơ bản (bps) trong H2'22 và có thể là100 điểm cơ bản nữa vào năm 2023.

Doanh số bán lẻ: Tiếp tục tăng mạnh trong tháng 7, đạt mức +55,4% yoy (so với 28,3% trong tháng 6. Tuần tự, doanh số bán lẻ tháng 7 tiếp tục tăng tốc +2,4% mom (so với 2,0% trong tháng 6). Dịch vụ du lịch tăng 2.198% yoy so với mức tăng 1.600% trong tháng 6, tuy nhiên cũng cần chú ý những con số này có phần đóng góp từ mức nền thấp do giãn cách xã hội trong năm 2021 trước đó. Dịch vụ nghỉ dưỡng và ăn uống tăng tốc lên 97,0% trong tháng 7 (so với 80,0%yoy vào tháng 6) khi nhu cầu du lịch gia tăng cùng với thời điểm kết thúc học kỳ và thi chuyển cấp. Quan trọng nhất, doanh thu bán lẻ hàng hóa, thành tố chiếm gần 4/5 doanh số bán lẻ, cũng đạt mức tăng tích cực 24% trong tháng 7 (so với 12,2% trong tháng 6) và chúng tôi kỳ vọng xu hướng tích cực sẽ tiếp tục với các chuyến du lịch mùa hè và việc tiếp tục bình thường hóa diện rộng của nền kinh tế hậu Covid.

Tăng trưởng đầu tư: tiếp tục đáng khích lệ với vốn FDI đăng ký mới tăng +20,3%yoy trong tháng 7 (so với 14,6% trong tháng 6), cho thấy nhu cầu ổn định đối với dòng vốn đầu tư. Quan trọng hơn, vốn FDI giải ngân tiếp tục tăng tốc +20,0% yoy trong tháng 7 (so với 12,3% trong tháng 6). Mặt khác, đầu tư nhà nước cũng tăng +22,3% yoy trong tháng 7 (so với 13,7% trong tháng 6) – dù mức này vẫn thấp hơn kế hoạch đã được Quốc hội thông qua, chúng tôi kỳ vọng giải ngân đầu tư công sẽ tiếp tục được cải thiện trong thời gian tới.

Cả xuất khẩu và nhập khẩu đều duy trì xu hướng mở rộng trong tháng 7: **Xuất khẩu** tăng trưởng 8,9%yoy (so với 20,3% trong tháng 6) và **nhập khẩu** tăng chậm hơn ở mức +3,4%yoy trong tháng 7 (so với 16,3% trong tháng 6). Những con số này là khá tích cực, giúp duy trì thặng dư nhẹ của **cán cân thương mại** ở mức 21 triệu USD (so với thặng dư gần 300 triệu trong tháng 6).

Lợi nhuận đầu tư đối với các loại tài sản:

Lãi/(lỗ) theo tài sản	Lãi/(lỗ) đã thực hiện (VND)	Lãi/(lỗ) chưa thực hiện (VND)
Cổ phiếu	3.137.448.478	(88.351.342.778)
Trong đó:		
Vốn hóa lớn	3.206.836.869	(59.909.648.369)
Vốn hóa vừa	508.937.469	(28.735.165.269)
Vốn hóa nhỏ	(578.325.860)	293.470.860

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): không có

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ Quỹ: không có

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): không có

m) Các thông tin khác (nếu có).

4. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát phải đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Công ty quản lý quỹ trong quá trình vận hành và quản lý quỹ đối với các nội dung sau:

a) Thuyết minh về việc thay đổi ngân hàng giám sát (nếu có): từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022, Quỹ không thay đổi Ngân hàng giám sát.

b) Việc lưu ký tài sản của quỹ: Việc lưu ký tài sản của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật chứng khoán hiện hành và các văn bản pháp luật có liên quan.

c) Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ hoán đổi danh mục, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

d) Việc xác định giá trị tài sản ròng theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ ETF SSIAM VNX50 đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

e) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: Trong kỳ, Quỹ đã thực hiện việc phát hành chứng chỉ quỹ tuân thủ theo quy định pháp luật liên quan hiện hành, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022, Quỹ đã thực hiện:

- Phát hành thêm chứng chỉ Quỹ: Trong kỳ Quỹ có phát hành thêm chứng chỉ quỹ.
- Mua lại chứng chỉ Quỹ: Trong kỳ Quỹ không mua lại chứng chỉ quỹ.

uf) Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ là phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022, Quỹ không thực hiện phân phối lại thu nhập cho nhà đầu tư.

5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền

Công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy

quyền), như dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng... với các nội dung sau:

a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của Quỹ:

Chỉ tiêu	Tỷ lệ so với lợi nhuận	Tỷ lệ so với tổng chi phí hoạt động	Tỷ lệ so với thu nhập
Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	-0,04%	2,11%	-0,04%
Chi phí dịch vụ Quản trị quỹ	-0,12%	6,34%	-0,12%
Tiền dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV)	-0,04%	2,11%	-0,04%

b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của Quỹ: Chỉ làm tăng chi phí nhưng không đáng kể, hạn chế tối thiểu mức độ rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ

c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ):

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (VND)
1	Chi phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	33.000.000
2	Chi phí dịch vụ Quản trị quỹ	99.000.000
3	Tiền dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV)	32.985.121
	Tổng chi phí cho hoạt động ủy quyền	**164.985.121**

d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

Trong kỳ báo cáo, các đơn vị nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ quản trị quỹ, đại lý chuyển nhượng, dịch vụ tính Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu (iNAV), TE đã duy trì đủ trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, an ninh hệ thống, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, quy trình nghiệp vụ, hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động ủy quyền. Các hoạt động ủy quyền trong kỳ báo cáo đã được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu Tư của Quỹ.

Đánh giá dịch vụ Quản trị quỹ

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Hà Thành ("Ngân hàng") hiện đang là đơn vị được ủy quyền hoạt động dịch vụ Quản trị quỹ. Các hệ thống hiện có để cung cấp dịch vụ Quản trị quỹ có nhiều ưu điểm, được áp dụng rộng rãi trên toàn cầu và được thiết lập cơ chế bảo mật do mỗi hệ thống khi thiết lập quyền truy cập đều có các nguyên tắc thiết lập mang tính bảo mật cao. Hệ thống kế toán và định giá chứng chỉ quỹ của Ngân hàng đã đáp ứng được yêu cầu của Công ty Quản Lý Quỹ. Hệ thống này được cập nhật hai năm một lần bao gồm phát triển các tính năng mới và phát triển theo nhu cầu riêng của từng thị trường nên đã đáp ứng được các yêu cầu về hạch toán tại Việt Nam. Các hệ thống đều được lưu trữ dữ liệu hàng kỳ và có chương trình dự phòng thảm họa. Quy trình dự phòng thảm họa của Ngân hàng được thiết lập chi tiết, bài bản để khắc phục các thảm họa trong khoảng thời gian phù hợp nhất để đảm bảo hoạt động ít bị ảnh hưởng và các tổn thất là tối thiểu.

Dữ liệu được lưu trữ đúng theo quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam. Hệ thống lưu trữ thông tin của khách hàng luôn được bảo mật cao với cơ chế bảo mật tối đa. Ngoài dữ liệu dạng cứng, Ngân hàng còn thiết lập quy

trình đảm bảo bảo mật thông tin một cách hiệu quả qua dữ liệu gửi qua email với các phương thức bảo mật như: tường lửa, yêu cầu xác nhận, thẩm quyền trong quá trình tương tác thông tin.

Hệ thống quản trị rủi ro của Ngân hàng đảm bảo tất cả nhân viên của Ngân hàng tại các vị trí đều có trách nhiệm kiểm soát và tuân theo chính sách quản trị rủi ro. Các báo cáo chỉ số đánh giá hoạt động chính và báo cáo tiêu chuẩn kiểm soát chính được thực hiện hàng tháng và được xem xét bởi Ủy Ban Quản lý rủi ro tại các cuộc họp về rủi ro quản trị. Ngân hàng xây dựng các phương pháp nhằm hạn chế các rủi ro về hoạt động, rủi ro công nghệ, và rủi ro con người.

Đánh giá dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng ("VSD")

VSD đang là nhà cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng cho Quỹ.

Về cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng quỹ hoán đổi danh mục của VSD có các tính năng đáp ứng các nhu cầu dịch vụ của Đại Lý Chuyển Nhượng. Hệ thống có chức năng phân quyền linh hoạt, có thiết kế mở cho phép kết nối với các hệ thống thành viên khác. Hệ thống đáp ứng đầy đủ nhu cầu về nghiệp vụ Đại lý Chuyển Nhượng về việc Quản lý sổ nhà đầu tư, quản lý dữ liệu, phân bổ giao dịch và các hoạt động khác đáp ứng nhu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại lý phân phối, và Ngân hàng giám sát, tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ….

Quy trình lưu trữ dữ liệu và kế hoạch dự phòng dữ liệu đảm bảo quy trình được diễn ra thông suốt. Hệ thống máy chủ của dịch vụ được đặt tại Trụ sở chính Hà Nội. Hệ thống dự phòng được đặt tại chi nhánh của VSD tại TP. Hồ Chí Minh, đồng thời dữ liệu được sao lưu hàng ngày ra băng từ và được lưu trữ tại VSD và lưu trữ từ xa. Dữ liệu hàng ngày được đồng bộ từ hệ thống chính vào hệ thống dự phòng và được khởi động trong vòng 30 phút kể từ khi có sự cố xảy ra.

Đánh giá dịch vụ tính Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu (iNAV) và TE

Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh hiện đang là tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu.

Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh đã đáp ứng được các yêu cầu về cơ sở vật chất kỹ thuật. Quy trình nghiệp vụ được thực hiện chính xác, giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ (iNAV) được công bố mười lăm giây một lần và được công bố trên các trang thông tin điện tử của Sở Giao Dịch Chứng Khoán. Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh đã tính toán mức sai lệch đúng theo công thức quy định tại Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đánh giá dịch vụ Đại Lý Phân Phối

Các Thành viên lập quỹ (TVLQ) kiêm Đại lý phân phối đều đáp ứng được yêu cầu về việc kết nối với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Hà Thành và nhà cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng, đảm bảo quy trình nghiệp vụ của TVLQ diễn ra thông suốt không bị gián đoạn. TVLQ đã đáp ứng được yêu cầu về quy trình ngăn giao dịch muộn, các quy trình về lưu trữ thông tin và bảo mật thông tin khách hàng.

TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUẢN LÝ QUỸ SSI
Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

Tô Thùy Linh
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC